TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31-01-2018
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Huy Tùng.

Ông Huỳnh Quốc Khởi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Trân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiến Thức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2017 về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2018/QĐST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lý Thị Sà R1, sinh năm 1995; cư trú tại ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Thạch Chanh Na R2, sinh năm 1992; cư trú tại ấp S, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 10 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Lý Thị Sà R1 trình bày:

Bà Lý Thị Sà R1 và ông Thạch Chanh Na R2 kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và được Ủy

ban nhân dân xã T cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 151 ngày 14/8/2013. Sau khi kết hôn, ông, bà sống hạnh phúc. Bà R1 theo ông R2 về sống tại ấp S, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng được 02 tháng. Sau đó, ông, bà đi làm công nhân tại tỉnh Bình Dương. Đến năm 2016, ông, bà phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, thường hay cãi vã nhau kéo dài. Lý do là ông R2 không lo làm, chỉ tụ tập bạn bè ăn nhậu, bỏ việc làm ở công ty và thường xuyên dùng bạo lực gia đình đối với bà R1. Sau đó, ông R2 còn hăm dọa giết bà R1. Nay do sự chịu đựng có giới hạn và lời hăm dọa của ông R2 làm bà R1 lo sợ quá nên vào tháng 9/2016 bà R1 đã bỏ trốn về nhà cha mẹ ruột của bà ở và ông, bà không còn sống chung từ tháng 9/2016 cho đến nay.

Trong quá trình chung sống ông, bà có 01 con chung là cháu Thạch Thị Linh Đ, sinh ngày 31/01/2015 hiện đang do ông Thạch Chanh Na R2 nuôi dưỡng. Về tài sản chung không có. Về nợ chung không có.

Nay bà Lý Thị Sà R1 yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Bà Lý Thị Sà R1 yêu cầu được ly hôn với ông Thạch Chanh Na R2.

- Về con chung: Bà Lý Thị Sà R1 đồng ý giao cháu Thạch Thị Linh Đ, sinh ngày 31/01/2015 cho ông Thạch Chanh Na R2 được quyền nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Bà R1 không phải cấp dưỡng nuôi cháu Thạch Thị Linh Đ.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án số 197/TB-TLVA ngày 20 tháng 11 năm 2017, tống đạt hợp lệ cho bị đơn ông Thạch Chanh Na R2, nhưng ông R2 không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà R1. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ 02 lần đối với ông R2 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông R2 đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và cũng không có lời khai trong hồ sơ vụ án. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, xét thấy nguyên đơn, bị đơn thường xuyên mâu thuẫn với nhau do bất đồng ý kiến, không còn sống chung với nhau thời gian dài, không hàn gắn được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn; về con chung giao cháu Thạch Thị Linh Đ, sinh ngày

31/01/2015 cho bị đơn nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi. Nguyên đơn không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí nguyên đơn có đơn yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng trong vụ án ly hôn. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[2] Đối với bị đơn ông Thạch Chanh Na R2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Thạch Chanh Na R2.

[3] Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị Sà R1, sinh năm 1995 và ông Thạch Chanh Na R2, sinh năm 1992 tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 151, quyển số 01 ngày 14/8/2003 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Lý Thị Sà R1 và ông Thạch Chanh Na R2 là hợp pháp.

[5] Xét lý do xin ly hôn của bà R1, Hội đồng xét xử thấy, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng bà R1, ông R2 hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do thường hay cãi vã nhau kéo dài, bất đồng quan điểm sống. Đến tháng 9 năm 2016, bà R1 bỏ về nhà cha mẹ ruột tại ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng sống cho đến nay và ông, bà đã bỏ mặc nhau làm cho tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà R1 và ông R2 trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà R1.

[6] Về con chung: Tại phiên toà sơ thẩm, bà R1 đồng ý giao cháu Thạch Thị Linh Đ, sinh ngày 31/01/2015 cho ông Thạch Chanh Na R2 được quyền nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, bà R1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu Thạch Thị Linh Đ đang do ông Thạch Chanh Na R2 chăm sóc, nuôi dưỡng, để đảm bảo cho cháu Đ được ổn định cuộc sống nên Hội đồng xét xử cần giao cháu Thạch Thị Linh Đ, sinh ngày 31/01/2015 cho ông Thạch Chanh Na R2 được quyền nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, bà Lý Thị Sà R1 không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung và trong quá trình giải quyết vụ án ông Thạch Chanh Na R2 cũng không có ý kiến về yêu cầu bà R1 phải cấp dưỡng nuôi con

chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con thì ông R2 có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thành một vụ việc khác.

[8] Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, bà Lý Thị Sà R1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bà Lý Thị Sà R1 không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của ông Thạch Chanh Na R2.

[9] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lý Thị Sà R1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[10] Xét đề nghị của kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí: Bà Lý Thị Sà R1 là người có đơn xin ly hôn nên căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, bà R1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Ông Thạch Chanh Na R2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị Sà R1 và ông Thạch Chanh Na R2 được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Thạch Thị Linh Đ, sinh ngày 31/01/2015 cho ông Thạch Chanh Na R2 nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Bà Lý Thị Sà R1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Bà Lý Thị Sà R1 không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của ông Thạch Chanh Na R2.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lý Thị Sà R1 và ông Thạch Chanh Na R2 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lý Thị Sà R1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Bà Lý Thị Sà R1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2015/ 0006508 ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng và như vậy bà Lý Thị Sà R1 đã nộp xong án phí.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THA dân sự huyện T;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV & THA);
- UBND xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Phước Tuấn